

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí của bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 05/4/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Tờ trình số 264/TTr-SNN, ngày 26 tháng 12 năm 2013;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết thực hiện bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

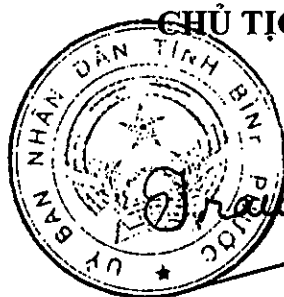
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định 2035/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chi tiết thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Chủ tịch UBND các xã; Thủ

trường các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BCĐ CT MTQG XD NTM TW;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT (qd 01-014).60



Nguyễn Văn Trâm

QUY ĐỊNH

**Chi tiết thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 08/01/2014 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, làm cơ sở để đánh giá công nhận đạt từng tiêu chí và xã đạt chuẩn nông thôn mới khi hoàn thành các tiêu chí được quy định tại Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 342/QĐ-TTg ngày 20/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 523/QĐ-UBND ngày 05/4/2013 của UBND tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng cho tất cả các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010 – 2020.

Điều 2. Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

1. Cấp tỉnh: Ban chỉ đạo chương trình thành lập các tổ công tác thẩm định các tiêu chí đạt được theo báo cáo đề xuất của Ban chỉ đạo cấp huyện, thị xã và đề nghị UBND tỉnh quyết định công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Cấp huyện, thị xã: Ban chỉ đạo thành lập các tổ kiểm tra, hướng dẫn, triển khai thực hiện các tiêu chí, đồng thời đánh giá các tiêu chí đạt được, báo cáo đề xuất Ban chỉ đạo tỉnh xem xét.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Nông thôn là phần lãnh thổ được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là Ủy ban nhân dân xã.

2. Thôn là tên gọi chung của thôn (bản), xóm, ấp là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một xã.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tiêu chí quy hoạch và thực hiện theo quy hoạch

1. Giải thích từ ngữ:

Quy hoạch là bố trí, sắp xếp địa điểm, diện tích sử dụng các khu chức năng trên địa bàn xã: khu phát triển dân cư (bao gồm cả chính trang các khu dân cư hiện có và bố trí khu mới); hạ tầng kinh tế - xã hội, các khu sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ... theo chuẩn nông thôn mới.

2. Nội dung quy hoạch:

a) Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã

- Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã cần nghiên cứu các phương án cơ cấu tổ chức không gian, lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng của xã. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã là căn cứ để triển khai các quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất.

+ Đối với địa phương chưa có quy hoạch sử dụng đất: Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã là căn cứ để triển khai các quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất.

+ Đối với các địa phương đã có quy hoạch sử dụng đất: Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất và làm căn cứ để triển khai các quy hoạch sản xuất và quy hoạch xây dựng.

- Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư mới và cải tạo thôn (bản), xóm, ấp cũ: Xác định qui mô dân số, chỉ tiêu đất cho từng nhóm hộ, qui mô chiếm đất và nhu cầu đất của toàn thôn. Đối với vùng nhiều sự cố thiên tai cần cảnh báo và nêu rõ các giải pháp phòng chống cho người và gia súc.

- Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, bảo tồn công trình văn hoá lịch sử, xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng cấp xã; các khu vực có tính đặc thù khác.

- Định hướng tổ chức hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật toàn xã kết nối các thôn, bản với vùng sản xuất, với trung tâm xã và vùng liên xã (bao gồm hạ tầng phục vụ sản xuất và phục vụ đời sống); đối với vùng nhiều sự cố thiên tai cần cảnh báo và nêu rõ các giải pháp phòng chống.

b) Quy hoạch sử dụng đất

- Lập quy hoạch sử dụng đất:

+ Xác định cụ thể diện tích các loại đất trên địa bàn xã đã được cấp huyện phân bổ.

+ Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển, cụ thể: diện tích đất lúa nương, đất trồng cây hàng năm còn lại, đất nông nghiệp khác, đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp của xã, đất nghĩa trang, nghĩa địa do xã quản lý, đất sông, suối, đất phát triển hạ tầng của xã và đất phi nông nghiệp khác.

+ Trong quá trình lập quy hoạch nông thôn mới, cần xác định diện tích những loại đất khi chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định của pháp luật hiện hành. Xác định diện tích các loại đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

- Lập kế hoạch sử dụng đất: Phân chia các chỉ tiêu sử dụng đất theo mục đích sử dụng, diện tích đất phải chuyển mục đích sử dụng, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

+ Phân kỳ sử dụng đất theo 2 giai đoạn: 2011 – 2015 và 2016 – 2020.

+ Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cho giai đoạn 2011 – 2015.

- Hệ thống chỉ tiêu và biểu quy hoạch sử dụng đất.

- Đối với các xã chưa triển khai lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 – 2020 thì thực hiện theo điều này (không lập quy hoạch sử dụng đất riêng).

c) Quy hoạch sản xuất

- Quy hoạch sản xuất nông nghiệp:

+ Xác định tiềm năng, quy mô của từng loại hình sản xuất (những cây trồng, vật nuôi hiện là thế mạnh của địa phương và định hướng những cây trồng, vật nuôi mới phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương; dự báo khả năng sản xuất, sản lượng theo từng giai đoạn; định hướng phát triển đầu ra cho sản phẩm đem lại giá trị kinh tế cao, có giá trên thị trường).

+ Phân bố khu vực sản xuất nông nghiệp hàng hóa ngành trồng trọt (lúa, hoa màu, cây công nghiệp, cây ăn quả); khu chăn nuôi; khu nuôi trồng thủy sản; nhà xưởng bảo quản, chế biến; công nghiệp và dịch vụ. Hạng mục quy hoạch phải rõ vị trí theo thôn.

+ Xác định mạng lưới hạ tầng gồm: giao thông nội đồng (thể hiện đường đến lô diện tích 1ha trở lên); thủy lợi (kênh mương tự nhiên và nhân tạo đến kênh cấp 3). Hệ thống điện hạ thế phục vụ sản xuất, hệ thống cấp và thoát nước thải khu ao nuôi thủy sản.

+ Giải pháp chủ yếu để phát triển đạt yêu cầu của quy hoạch.

- Quy hoạch sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ:

+ Tiềm năng phát triển công nghiệp - dịch vụ: Tài nguyên, đất đai, lao động.

+ Lựa chọn loại ngành công nghiệp, dịch vụ cần phát triển và giải pháp chủ yếu để đạt được mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

+ Xác định chỉ tiêu phát triển công nghiệp, dịch vụ của xã (tỷ trọng giá trị công nghiệp, dịch vụ trên giá trị tổng sản lượng sản xuất trên địa bàn).

+ Giải pháp chủ yếu để đạt yêu cầu phát triển theo quy hoạch.

d) Quy hoạch xây dựng

- Đối với thôn, ấp và khu dân cư mới:

+ Xác định quy mô dân số, số hộ theo đặc điểm sinh thái, tập quán văn hóa; công trình công cộng từng thôn, khu dân cư mới.

+ Xác định hệ thống thôn và khu dân cư mới.

+ Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian; Yêu cầu, nguyên tắc, định hướng giải pháp tổ chức không gian kiến trúc, xác định vị trí, quy mô khu trung tâm thôn, dân cư tập trung; khu sản xuất, các khu vực có khả năng phát triển, hạn chế phát triển, khu vực không xây dựng và các nhu cầu khác; các vùng đặc thù, các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng;

+ Cải tạo chỉnh trang thôn, ấp, nhà ở: Định hướng giải pháp tổ chức không gian ở, các qui định về kiến trúc, màu sắc, hướng dẫn cải tạo nhà, tường rào, cổng, phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu, kiến trúc, vật liệu truyền thống của địa phương;

+ Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất, công trình công cộng thôn, khu dân cư cũ và xây dựng mới;

- Đối với trung tâm xã:

+ Xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất, dự báo quy mô xây dựng mới hoặc cải tạo, định hướng kiến trúc đặc trưng đối với khu trung tâm và từng công trình công cộng cấp xã;

+ Nội dung, yêu cầu và nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc, tầng cao, giải pháp kiến trúc công trình công cộng và dịch vụ, cây xanh, các vùng phát triển, vùng hạn chế xây dựng, vùng cấm xây dựng, vùng bảo tồn.

+ Các chỉ tiêu về quy hoạch đất đai, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trung tâm xã.

+ Xác định các dự án ưu tiên đầu tư tại trung tâm xã và các thôn, ấp, khu vực được lập quy hoạch.

- Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải, vệ sinh môi trường, nghĩa trang toàn xã, các thôn, ấp và vùng sản xuất liên xã, xác định hệ thống, vị trí, quy mô danh mục công trình, định hướng giải pháp cải tạo chỉnh trang, tiêu chuẩn kỹ thuật, mặt cắt chính đáp ứng yêu cầu phát triển của từng giai đoạn quy hoạch và bảo vệ môi trường.

- Về lập quy hoạch xây dựng thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Thông tư 32/2009/TT-BXD ngày 30/9/2010 của Bộ Xây dựng. Xác định các dự án ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện: tại trung tâm xã; các thôn, ấp; vùng sản xuất và khu vực được lập quy hoạch; khái toán nhu cầu vốn đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất cho giai đoạn 2010 – 2015

3. Căn cứ để xây dựng quy hoạch

- Thông tư Liên tịch số 13/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Liên bộ: Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp & PTNT và Bộ Tài nguyên & Môi trường về quy định lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

- Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 -2020.

- Thông tư số 07/2010/TT-BNNPTNT ngày 08/02/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp cấp xã theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

- QCVN 01: 2008/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch xây dựng;

- QĐKT-ĐNT- 2006- Quy định kỹ thuật điện nông thôn;

- Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp;

- TCVN 4054: 2005 - Đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 6696: 2004 - Bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh - Yêu cầu chung bảo vệ môi trường;

- TCXDVN 260: 2004 - Bãi chôn lấp chất thải nguy hại - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Quyết định số 32/2004/QĐ-BTC ngày 06/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn;

- Thông tư Liên tịch số 01/2001/TTLT-BKHCNMT-BXD ngày 18/01/2001 của Liên bộ: Bộ Xây dựng và Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường hướng dẫn các quy định về bảo vệ môi trường đối với việc lựa chọn địa điểm xây dựng và vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn;

- TCXDVN 261: 2001 - Bãi chôn lấp chất thải rắn - Tiêu chuẩn thiết kế;

- 22TCN 210-1992 - Đường giao thông nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế.

4. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-UBND, xã đạt tiêu chí khi đáp ứng đủ 03 yêu cầu sau:

- Có quy hoạch nông thôn mới được lập theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011 của Liên bộ: Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được công bố rộng rãi tới các thôn.

- Các bản vẽ quy hoạch được niêm yết công khai để người dân biết thực hiện; hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được duyệt.

- Có Quy chế quản lý quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Tiêu chí giao thông

1. Giải thích từ ngữ

a) Cứng hóa là đường được trải nhựa, trải bê tông, lát bằng gạch, đá xẻ hoặc trải cấp phối có lu lèn bằng đá dăm, đá thải, gạch vỡ, gạch xỉ.

b) Các loại đường giao thông nông thôn:

- Đường trục xã là đường nối trung tâm hành chính xã đến trung tâm các thôn;

- Đường trục thôn là đường nối trung tâm thôn đến các cụm dân cư trong thôn;

- Đường ngõ, xóm là đường nối giữa các hộ gia đình trong các cụm dân cư;

- Đường trục chính nội đồng là đường chính nối từ khu dân cư đến khu sản xuất tập trung của thôn, xã;

2. Căn cứ xây dựng và xét công nhận tiêu chí

Quy mô đường giao thông nông thôn:

- Quy hoạch theo quy định của Bộ Giao thông vận tải: Việc quy hoạch và thiết kế giao thông nông thôn căn cứ vào tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) 4054:2005 và Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2011 của Bộ Giao thông vận tải

- Về xây dựng giao thông: Các xã phải căn cứ vào khả năng nguồn lực thực tế để xác định công trình ưu tiên, lộ trình thực hiện cho phù hợp. Nếu nguồn lực có hạn thì tập trung hoàn thành cắm mốc nền đường theo quy hoạch, xây dựng mặt đường nhỏ hơn, khi có điều kiện sẽ tiếp tục mở rộng đủ quy hoạch;

- Đối với đường đang sử dụng: Nơi nào mặt đường hẹp, không thể mở rộng theo quy định thì có thể cải tạo, tận dụng tối đa diện tích 2 bên để mở rộng mặt đường, đồng thời nâng cấp tạo các điểm tránh xe thuận lợi dọc tuyến (đồng thời quy hoạch các bãi đỗ xe để các hộ có xe ô tô có thể gửi xe thuận lợi). Nếu mặt đường đảm bảo 80% theo quy định và đảm bảo các điều kiện trên thì coi là đạt tiêu chí tuyến đó.

- Đường trục xã: được xây dựng như sau:

+ Bề rộng mặt đường: 3,5 m.

+ Bề rộng nền đường: 5,0 m.

+ Kết cấu đường: M250-300; chiều dày tối thiểu cho mặt đường bê tông xi măng cấp A = 16 cm (lớp móng dày 12 cm) hoặc đá dăm láng nhựa 3 lớp trên lớp móng 4/6 dày 20 cm trở lên;

- Đường trục thôn: được xây dựng như sau:

+ Bề rộng mặt đường: 3,0 m.

+ Bề rộng nền đường: 4,0 m.

+ Kết cấu đường: M150-200; chiều dày tối thiểu cho mặt đường bê tông xi măng cấp B = 14 cm (lớp móng dày 10 cm) hoặc đá dăm láng nhựa 2 lớp trên lớp móng 4/6 dày 16-18 cm trở lên.

- Đường ngõ, xóm, trục chính nội đồng: được xây dựng như sau:

+ Bề rộng mặt đường: 2,0 m.

+ Bề rộng nền đường: 3,0 m

+ Kết cấu đường: M150-200; chiều dày tối thiểu cho mặt đường bê tông xi măng cấp C = 14 cm (lớp móng dày 10 cm).

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-UBND, xã đạt tiêu chí giao thông khi đáp ứng đủ 04 yêu cầu sau:

a) Tiêu chí đạt chung của tỉnh

- Đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt tỷ lệ 100%.

- Đường trục thôn được cứng hóa đạt tỷ lệ 100%.

- Đường ngõ, xóm, được cứng hóa không lầy lội vào mùa mưa đạt tỷ lệ 100% (100% cứng hóa).

- Đường trục chính nội đồng được cứng hóa đạt tỷ lệ 100%.

b) Tiêu chí đạt đối với các xã hưởng chính sách như các tỉnh Tây Nguyên (theo Công văn số 558/TTg-Đp và Công văn số 2089/TTg-ĐP)

- Đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt tỷ lệ 100%.

- Đường trục thôn được cứng hóa đạt tỷ lệ 70%.

- Đường ngõ, xóm, được cứng hóa không lầy lội vào mùa mưa đạt tỷ lệ 100% (50% cứng hóa).

- Đường trục chính nội đồng được cứng hóa đạt tỷ lệ 70%.

Điều 6. Tiêu chí thủy lợi

Áp dụng đối với các xã có công trình thủy lợi.

1. Giải thích từ ngữ

a) Kiên cố hoá là gia cố kênh mương bằng các vật liệu (đá xây, gạch xây, bê tông, composite) để bảo đảm kênh mương hoạt động ổn định, bền vững. Trường hợp tưới tiêu bằng đường ống cố định cũng được coi là kiên cố hoá;

- Tỷ lệ kênh mương do xã quản lý được kiên cố hoá được tính bằng tỷ lệ % (phần trăm) giữa tổng số km kênh mương đã được kiên cố hoá so với tổng số km kênh mương cần được kiên cố hoá theo quy hoạch;

- Các xã không có kênh mương, cống bọng thuộc diện cần kiên cố hoá thì được tính là đạt;

b) Hệ thống thủy lợi trong phạm vi xã, do xã quản lý cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có hệ thống công trình thủy lợi được xây dựng theo quy hoạch và thiết kế được duyệt, được bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên bảo đảm phát huy trên 80% năng lực thiết kế;

- Phục vụ sản xuất trồng trọt, nuôi trồng thủy sản; tạo nguồn để cơ bản đáp ứng yêu cầu nước cho sinh hoạt, chăn nuôi gia súc, gia cầm và hoạt động sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn;

- Có tổ chức (hợp tác xã hoặc tổ hợp tác) quản lý khai thác và bảo vệ công trình, đảm bảo kênh mương, cống, kè, đập, bờ bao được vận hành có hiệu quả bền vững, phục vụ cho sản xuất, dân sinh, được đa số người dân hưởng lợi đồng thuận.

2. Các căn cứ để xây dựng và xét công nhận tiêu chí

- Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia công trình thủy lợi – các quy định chủ yếu về thiết kế (QCVN 04 – 05:2011 BNNPTNT).

- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXD VN285:2002: công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế ban hành kèm theo Quyết định số 26/2002/QĐ-BXD ngày 28/8/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Các tiêu chuẩn Việt Nam liên quan đến: thiết kế hệ thống kênh tưới, tiêu; trạm bơm; hồ chứa và các công trình thủy lợi khác;

- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001 và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi: Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 và Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008;

- Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 và Quyết định số 56/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước để tiếp tục thực hiện các chương trình kiên cố hoá kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề nông thôn giai đoạn 2009 - 2015;

- Quyết định số 66/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương;

- Thông tư số 75/2004/TT-BNN ngày 20/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn củng cố, phát triển và thành lập các tổ chức hợp tác dùng nước.

- Thông tư số 134/1999/TT-BNN-QLN ngày 25/9/1999 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc tổ chức thực hiện kiên cố hoá kênh mương.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg, xã đạt tiêu chí thủy lợi khi đáp đủ 02 yêu cầu sau:

a) Tiêu chí đạt chung của tỉnh

- Có hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh: Đạt;

- Tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương đạt từ 85% trở lên (trừ các vùng không áp dụng kiên cố hóa);

b) Tiêu chí đạt đối với các xã hưởng chính sách như các tỉnh Tây Nguyên (theo Công văn số 558/TTg-Đp và Công văn số 2089/TTg-ĐP)

- Có hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh: Đạt;

- Tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương đạt từ 45% trở lên (trừ các vùng không áp dụng kiên cố hóa);

Điều 7. Tiêu chí điện nông thôn

1. Giải thích từ ngữ

a) Hệ thống điện nông thôn bao gồm: Các trạm biến áp phân phối, các tuyến đường dây trung áp, các tuyến đường dây hạ áp, công tơ đo đếm điện năng phục vụ sản xuất và đời sống khu vực nông thôn.

b) Hệ thống điện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật của ngành điện được hiểu là đảm bảo đáp ứng các nội dung của quy định kỹ thuật điện nông thôn năm 2006 (viết tắt là QĐKT-ĐNT-2006) ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN ngày 08/12/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), cả về xác định phụ tải điện, lưới điện phân phối, trạm biến áp phân phối, đường dây cấp hạ áp, khoảng cách an toàn và hành lang bảo vệ, chất lượng điện áp (chỉ tiêu thông số kỹ thuật quy định tại các chương 1, 2, 3, 4, 5 của quy định này). Cơ quan quản lý hệ thống điện trên địa bàn huyện, thị xã có trách nhiệm xác định mức độ đạt chuẩn của tiêu chí điện nông thôn cho các xã có chương trình xây dựng nông thôn mới.

c) Nguồn cấp điện cho nông thôn gồm: Nguồn điện được cấp từ lưới điện quốc gia, hoặc ngoài lưới điện quốc gia. Tại địa bàn chưa được cấp điện lưới quốc gia, tùy vào điều kiện cụ thể của địa phương để xem xét, áp dụng phương tiện phát điện tại chỗ như thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời, diesel hoặc kết hợp các nguồn nói trên.

d) Sử dụng điện thường xuyên là đảm bảo có điện sử dụng hàng ngày.

đ) Đảm bảo an toàn về điện khi đạt các quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện (QCVN 01:2008/BCT) ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BCT ngày 17/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Căn cứ để xây dựng và xét công nhận tiêu chí

- Luật Điện lực số 28/2004/QH 11 có hiệu lực từ ngày 01/7/2005;

- Nghị định số 81/2009/NĐ-CP ngày 12/10/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 của Chính phủ về hành lang an toàn công trình lưới điện cao áp.

- Luật Điện lực số 24/2012/QH 13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 28/2004/QH 11;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực; (Nghị định số 137/2013/NĐ-CP có hiệu lực ngày 10/12/2013).

- Quy phạm trang bị điện: 11 TCN-18-2006 đến 11 TCN-21-2006;

- Quy định kỹ thuật điện nông thôn QĐKT-ĐNT-2006 ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN ngày 08/12/2006 của Bộ Công nghiệp;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện (QCVN01: 2008/BCT) ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BCT ngày 17/6/2008 của Bộ Công Thương quy định các nguyên tắc bảo đảm an toàn khi làm việc tại đường dây, thiết bị điện.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-UBND, xã đạt tiêu chí điện nông thôn khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu sau:

a) Tiêu chí đạt chung của tỉnh

- Có hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện: Đạt.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt từ 99% trở lên.

b) Tiêu chí đạt đối với các xã hưởng chính sách như các tỉnh Tây Nguyên (theo Công văn số 558/TTg-Đp và Công văn số 2089/TTg-ĐP)

- Có hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện: Đạt.
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt từ 98% trở lên.

Điều 8. Tiêu chí trường học.

1. Giải thích từ ngữ

Trường học các cấp thuộc xã bao gồm: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở.

a) Trường mầm non, mẫu giáo có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia:

Một xã có các điểm trường, đảm bảo tất cả các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi và tổ chức cho trẻ ăn bán trú, cụ thể như sau:

- Trường đặt tại trung tâm khu dân cư, thuận lợi cho trẻ đến trường, đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Diện tích khu đất xây dựng nhà trường, nhà trẻ gồm: diện tích sân chơi; diện tích cây xanh; đường đi. Diện tích sử dụng bình quân tối thiểu 12m² cho một trẻ đối với khu vực nông thôn và miền núi; 8m² cho một trẻ đối với khu vực thành phố và thị xã. Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài bằng gạch, gỗ, kim loại hoặc cây xanh cắt tía làm hàng rào. Cổng chính có biển tên trường theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ trường mầm non.

- Có đủ phòng chức năng, khối phòng hành chính quản trị, phòng ngủ, phòng ăn, hiên chơi, phòng y tế, khu vệ sinh, khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên có mái che... được xây dựng kiên cố. Nhà trẻ có nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Khu trẻ chơi được lát gạch, xi măng hoặc trồng thảm cỏ. Phòng sinh hoạt chung được trang bị đủ bàn ghế cho giáo viên và trẻ. Có máy vi tính, các phương tiện làm việc và các trang thiết bị y tế, đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ.

b) Trường tiểu học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia:

- Trường có tối đa không quá 30 lớp, mỗi lớp có tối đa không quá 35 học sinh. Có đủ 1 phòng học/1 lớp.

- Có khuôn viên không dưới 6m²/01học sinh vùng thành phố/thị xã; không dưới 10m²/01 học sinh đối với các vùng còn lại.

- Có đủ 1 phòng học/1 lớp (diện tích phòng học bình quân không dưới 01m²/01 học sinh). Trong phòng học có đủ bàn ghế cho giáo viên và học sinh, có trang bị hệ thống quạt, bàn, ghế, bảng, bục giảng, hệ thống chiếu sáng, trang trí phòng học đúng quy cách. Được trang bị đầy đủ các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Điều kiện vệ sinh đảm bảo các yêu cầu xanh, sạch, đẹp, yên tĩnh, thoáng mát, thuận tiện cho học sinh.

- Có nhà tập đa năng, thư viện đạt chuẩn theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông ban hành theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/01/2003 và Quyết định số 01/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có đủ các phòng chức năng: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng giáo viên, phòng hoạt động đội, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục, phòng thường trực.

- Trường có nguồn nước sạch, có khu vệ sinh riêng cho cán bộ giáo viên và học sinh, riêng cho nam và nữ, có khu để xe, có hệ thống cống rãnh thoát nước, có tường hoặc hàng rào cây xanh bao quanh trường.

c) Trường trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia

- Trường có tối đa không quá 45 lớp, đảm bảo đủ các khối lớp của cấp học. Số lượng học sinh/lớp tối đa không quá 45 học sinh.

- Có tổng diện tích mặt bằng tính theo đầu học sinh ít nhất đạt từ 6 m²/học sinh trở lên (đối với nội thành, nội thị) và từ 10 m²/học sinh trở lên (đối với các vùng còn lại).

- Khuôn viên nhà trường được xây dựng riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển trường; các khu vực trong nhà trường được bố trí hợp lý, luôn sạch, đẹp. Đủ diện tích sử dụng để đảm bảo tổ chức các hoạt động quản lý, dạy học và sinh hoạt.

- Cơ cấu các khối công trình gồm có: Phòng học và phòng học bộ môn (có đủ phòng học cho mỗi lớp học (không quá hai ca trong 1 ngày)).

- Phòng học bộ môn xây dựng theo quy định tại Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phòng học xây dựng theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam do Bộ Xây dựng ban hành; diện tích phòng học, bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, bảng đúng quy cách; phòng học thoáng mát, đủ ánh sáng, an toàn.

- Nhà tập đa năng, thư viện, phòng hoạt động Đoàn - Đội, phòng truyền thống; phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể cán bộ và viên chức nhà trường, phòng giáo viên, phòng y tế học đường, nhà kho, phòng thường trực; khu sân chơi, bãi tập (có đủ thiết bị luyện tập thể dục thể thao và đảm bảo an toàn); khu vệ sinh riêng biệt cho cán bộ - giáo viên và học sinh; khu để xe riêng cho giáo viên và học sinh.

- Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực theo quy định về vệ sinh môi trường.

2. Căn cứ để xây dựng và xét công nhận tiêu chí

- Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 36/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia quy định tại Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

- Trường trung học cơ sở (THCS) đạt chuẩn quốc gia quy định tại Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia.

- Tỷ lệ trường học các cấp có cơ sở vật chất đạt chuẩn được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trường, điểm trường đạt chuẩn cơ sở vật chất trên tổng số trường, điểm trường của xã.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-UBND, xã đạt tiêu chí trường học khi có tỷ lệ trường học các cấp có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia theo quy định của vùng

a) Tiêu chí đạt chung của tỉnh

Tỷ lệ trường học các cấp có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia đạt 100%.

b) Tiêu chí đạt đối với các xã hưởng chính sách như các tỉnh Tây Nguyên (theo Công văn số 558/TTg-Đp và Công văn số 2089/TTg-ĐP)

Tỷ lệ trường học các cấp có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia đạt 70%.

Điều 9. Tiêu chí cơ sở vật chất văn hoá

1. Giải thích từ ngữ

- Trung tâm văn hóa, thể thao xã và học tập cộng đồng xã là nơi tổ chức các hoạt động văn hoá - thể thao và học tập của cộng đồng xã, bao gồm: Nhà văn hoá đa năng (hội trường, phòng chức năng, phòng tập, các công trình phụ trợ và các dụng cụ, trang thiết bị tương ứng theo quy định) và Sân thể thao phổ thông (sân bóng đá, sân bóng chuyền, các sân nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ và tổ chức các môn thể thao dân tộc của địa phương).

- Nhà văn hóa và khu thể thao thôn, ấp là nơi tổ chức các hoạt động văn hoá - thể thao và học tập của cộng đồng thôn, ấp.

2. Tiêu chuẩn Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng xã đạt chuẩn của Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch, cụ thể như sau:

a) Đối với xã

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn
1	Diện tích đất được sử dụng	Diện tích đất quy hoạch khu Trung tâm Văn hóa – Thể thao và học tập cộng đồng xã (không tính diện tích sân vận động).	Từ 1.500 - 2.500m ² trở lên
2	Quy mô xây dựng	2.1. Hội trường đa năng.	Từ 200-250 chỗ ngồi
		2.2. Phòng chức năng nhà văn hoá đa năng (hành chính; đọc sách, báo, thư viện; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; hoặc tập các môn thể thao đơn giản)	4 phòng trở lên
		2.3. Sân bóng đá tối thiểu 90x120m (không tính diện tích các sân khác)	Sân bóng đá tối thiểu 90x120m (không tính diện tích các sân khác)
		2.4. Công trình phụ trợ Trung tâm Văn hoá, Thể thao và học tập cộng đồng (nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa)	Đạt từ 80% trở lên
3	Trang thiết bị	3.1. Hội trường Văn hoá đa năng có đủ: Bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh.	Đạt từ 80% trở lên

		3.2. Dụng cụ thể dục thể thao đảm bảo theo công trình thể dục thể thao và các môn thể thao của từng xã	Đạt từ 80% trở lên
4	Cán bộ	4.1. Cán bộ quản lý: có trình độ trung cấp về văn hóa, thể dục thể thao, cao đẳng sư phạm trở lên; được hưởng phụ cấp chuyên trách và bán chuyên trách.	Đạt
		4.2. Cán bộ nghiệp vụ có chuyên môn về văn hóa, thể thao; sư phạm được hợp đồng và hưởng thù lao bán chuyên trách.	Có cộng tác viên thường xuyên.
5	Kinh phí hoạt động	5.1. Đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, ổn định hàng năm. 5.2. Thù lao cho cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách được quy định tại Thông tư Liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 12/5/2010 và Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 10/7/2013 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Đề án tổ chức sáp nhập hoạt động Trung tâm văn hóa – Thể thao xã vào Trung tâm Học tập cộng đồng xã	Đảm bảo
6	Hoạt động văn hóa văn nghệ.	6.1. Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị.	Tối thiểu 04 cuộc/năm.
		6.2. Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng.	Tối thiểu 2 cuộc/năm.
		6.3. Duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ.	3 câu lạc bộ trở lên.
		6.4. Thư viện, phòng đọc sách, báo	Có hoạt động
		6.5. Hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc.	Có hoạt động
		6.6. Thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa.	Tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân.
7	Hoạt động thể dục thể thao	7.1. Thi đấu thể thao.	Tối thiểu 4 cuộc/năm
		7.2. Thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.	Tối thiểu 20%/tổng số dân

8	Hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em	Thu hút trẻ em trên địa bàn dân cư tham gia hoạt động văn hóa, thể thao	Đạt 20% thời gian hoạt động
9	Chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ.	Chỉ đạo, hướng dẫn Nhà văn hóa, khu thể thao thôn (ấp, bản) hiện có	Đạt 100%

b) Đối với thôn, ấp

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn
1	Diện tích đất quy hoạch	1.1. Diện tích đất khu Nhà văn hóa	Từ 300-500m ² trở lên
		1.2. Diện tích Khu thể thao	Từ 1.500-2.000m ² trở lên
2	Quy mô xây dựng	2.1. Hội trường Nhà văn hóa	Từ 80-100 chỗ ngồi trở lên
		2.2. Sân khấu trong hội trường	Từ 25-30m ² trở lên
		2.3. Sân tập thể thao đơn giản	Từ 200-250m ² trở lên
		2.4. Công trình phụ trợ Nhà văn hóa-Khu thể thao (nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa, công, tường rào bảo vệ)	Đạt từ 80% trở lên
		2.5. Có thể xây dựng những công trình thể thao khác được quy định tại Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.	
3	Trang thiết bị	3.1. Trang bị của hội trường Nhà văn hóa:	Đạt 80%
		- Bộ trang âm (tivi, ampli, micro, loa)	
		- Bộ trang trí, khánh tiết: cờ Tổ quốc, cờ Đảng, ảnh hoặc tượng Bác Hồ, phong màn sân khấu nhỏ, băng khẩu hiệu, cờ trang trí...	
		- Bàn, ghế phục vụ sinh hoạt	
		- Tủ sách, tranh ảnh tuyên truyền phục vụ thiếu nhi	

		- Bảng tin, nội quy hoạt động	
		- Một số nhạc cụ phổ thông, truyền thống phù hợp với địa phương.	
		3.2. Dụng cụ thể thao: Một số dụng cụ thể thao phổ thông và dụng cụ thể thao truyền thống phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương	Có các dụng cụ thể thao tối thiểu
4	Kinh phí hoạt động thường xuyên	4.1. Ngân sách địa phương hỗ trợ	Tỷ lệ cụ thể do địa phương quy định
		4.2. Kinh phí do nhân dân đóng góp và xã hội hóa	
5	Cán bộ nghiệp vụ	5.1. Trình độ chuyên môn	Qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ
		5.2. Chế độ thù lao	Hưởng thù lao theo công việc
6	Kết quả thu hút nhân dân tham gia hoạt động	6.1. Hoạt động văn hóa văn nghệ thường xuyên	30% trở lên/tổng số dân
		6.2. Hoạt động thể dục thể thao thường xuyên	15% trở lên/tổng số dân
		6.3. Hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí phục vụ cho trẻ em	20% thời gian hoạt động

3. Căn cứ để xét công nhận và đánh giá tiêu chí:

- Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (có hiệu lực ngày 01/3/2011) quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí các Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã.

- Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn...

4. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg, Quyết định 523/QĐ-UBND, xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu sau:

- Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Học tập cộng đồng xã đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 10/7/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tổ chức sáp nhập hoạt động Trung tâm Văn hóa – Thể thao vào Trung tâm Học tập cộng đồng xã thành Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Học tập cộng đồng: đạt.

- Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Đạt 100%.

Trường hợp sử dụng trụ sở làm việc của thôn, ấp đình làng hoặc nhà rông có trang thiết bị và nội dung hoạt động theo tiêu chuẩn nhà văn hóa thì cũng được công nhận đã có nhà văn hóa thôn, ấp.

Đối với những trường hợp trên địa bàn thôn, ấp đã có các công trình thể thao như: Sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, hồ bơi ... do các doanh nghiệp của nhà nước và doanh nghiệp tư nhân hoặc các đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn thôn, ấp đã đầu tư xây dựng để phục vụ nhu cầu hoạt động thể dục, thể thao cho công nhân viên và nhân dân trên địa bàn thôn, ấp đó thì các công trình thể thao đã có trên địa bàn thôn, ấp đó được tính vào tiêu chí, tiêu chuẩn đạt được trong bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới (tiêu chí 6).

Điều 10. Tiêu chí chợ nông thôn.

1. Giải thích từ ngữ:

- Chợ nông thôn là chợ trên địa bàn của các xã.
- Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định chỉ áp dụng đối với các xã có chợ theo quy hoạch mạng lưới chợ nông thôn được UBND cấp huyện phê duyệt

Xã có chợ nhưng không thuộc loại quy hoạch của huyện, thị xã thì xét theo quy định riêng (nếu có) của UBND cấp huyện.

2. Căn cứ xây dựng và xét công nhận tiêu chí

- Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung về một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ.

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9211:2012 Chợ - Tiêu chuẩn thiết kế được ban hành kèm theo Quyết định số 3621/QĐ-BKHHCN ngày 28/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg, Quyết định 342/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-UBND, xã đạt tiêu chí khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu sau:

- Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định: Đạt.
- Về công trình kỹ thuật: Có đủ các công trình của chợ nông thôn do xã quản lý (chợ hạng 3) được quy định trong TCVN 9211: 2012 Chợ-Tiêu chuẩn thiết kế ban hành tại Quyết định 3621/QĐ-BKHHCN ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia.

- Điều hành quản lý chợ:

- + Có tổ chức quản lý;
- + Có nội quy chợ do UBND xã quy định và niêm yết công khai để điều hành hoạt động, xử lý vi phạm;
- + Có sử dụng cân đối chứng, thiết bị đo lường để người tiêu dùng tự kiểm tra về số lượng, khối lượng hàng hóa;
- + Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Tiêu chí bưu điện

1. Giải thích từ ngữ

a) Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông là địa điểm cung ứng một hoặc cả hai dịch vụ: Dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông công cộng do doanh nghiệp dịch vụ bưu chính viễn thông quản lý, đóng tại địa bàn xã.

b) Dịch vụ bưu chính là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi bằng các phương thức từ địa điểm của người gửi đến địa điểm của người nhận qua mạng bưu chính, trừ phương thức điện tử.

c) Viễn thông là việc gửi, truyền, nhận và xử lý ký hiệu, tín hiệu, số liệu, chữ viết, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng thông tin khác bằng đường cáp, sóng vô tuyến điện, phương tiện quang học và phương tiện điện tử khác.

d) Dịch vụ viễn thông là dịch vụ gửi, truyền, nhận và xử lý thông tin giữa hai hoặc một nhóm người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng.

2. Căn cứ để xét công nhận tiêu chí:

Quyết định số 463/QĐ-BTTTT ngày 22/3/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành hướng dẫn thực hiện tiêu chí ngành thông tin và truyền thông về xây dựng nông thôn mới.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-UBND, xã đạt tiêu chí bưu điện khi đáp ứng 02 yêu cầu sau:

- Có ít nhất 01 (một) điểm cung cấp được 02 dịch vụ bưu chính và viễn thông đạt tiêu chuẩn ngành theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông tại Quyết định số 463/QĐ-BTTTT ngày 22/3/2012 về việc ban hành hướng dẫn thực hiện tiêu chí ngành thông tin và truyền thông về xây dựng nông thôn mới.

+ Trường hợp xã không có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng, nếu có ít nhất 30% số hộ gia đình trong xã có thuê bao riêng sử dụng dịch vụ viễn thông thì được coi là đạt tiêu chí về điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng.

+ Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại điều 4, điều 5 Quyết định 463/QĐ-BTTTT ngày 22/3/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành hướng dẫn thực hiện tiêu chí ngành thông tin và truyền thông về xây dựng nông thôn mới.

- Xét công nhận xã đạt tiêu chí có internet đến thôn khi có ít nhất 30% số thôn thuộc xã đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Có hạ tầng kỹ thuật viễn thông đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập internet cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn thôn đạt tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nêu tại điều 7 Quyết định 463/QĐ-BTTTT;

+ Có các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng (dịch vụ truy nhập internet) đạt tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nêu tại điều 7 Quyết định 463/QĐ-BTTTT.

Điều 12. Tiêu chí nhà ở dân cư

1. Giải thích từ ngữ

a) Nhà tạm, nhà dột nát là loại nhà xây dựng bằng các vật liệu tạm thời, dễ cháy, có niên hạn sử dụng dưới 5 năm hoặc không đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng), thiếu diện tích ở, bếp, nhà vệ sinh theo quy định, không đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

b) Nhà ở nông thôn đạt chuẩn Bộ Xây dựng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nhà ở đảm bảo “03 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng hoặc mái tole) và diện tích nhà ở đạt từ 14m²/người trở lên.
- Niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên;
- Các công trình phụ trợ (bếp, nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi ...) phải được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt.
- Kiến trúc, mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc, vùng miền (nếu có).

2. Căn cứ để xây dựng nhà ở dân cư và xét công nhận tiêu chí

- Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/2/2013 của Chính phủ (có hiệu lực ngày 15/4/2013) về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Thông tư số 05/TT-BXD-ĐT ngày 09/02/1993 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định diện tích sử dụng và phân cấp nhà ở.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-UBND, xã đạt tiêu chí nhà ở dân cư khi đáp ứng đủ 2 yêu cầu sau:

a. Tiêu chí chung của tỉnh

- Trên địa bàn không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng trên địa bàn xã phải đạt từ 90% trở lên.

b. Tiêu chí đạt đối với các xã hưởng chính sách như các tỉnh Tây Nguyên (theo Công văn số 558/TTg-Đp và Công văn số 2089/TTg-ĐP)

- Trên địa bàn không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, dột nát.
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng trên địa bàn xã phải đạt từ 75% trở lên.

Điều 13. Tiêu chí thu nhập

1. Giải thích từ ngữ

a) Thu nhập bình quân đầu người là toàn bộ số tiền và giá trị hiện vật sau khi trừ chi phí sản xuất trong năm của hộ chia đều cho số thành viên trong hộ.

b) Nguồn thu nhập của hộ gia đình gồm:

- Thu từ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản sau khi đã trừ chi phí sản xuất và thuế, các chi phí khác (nếu có).

- Thu từ sản xuất ngành nghề phi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản sau khi đã trừ chi phí sản xuất, thuế và chi phí khác (nếu có).

- Thu từ tiền công, tiền lương.

- Thu từ tiền công, tiền lương của thành viên trong gia đình làm việc phi nông nghiệp trong và ngoài địa bàn xã.

- Thu khác được tính vào thu nhập như: Quà biếu, lãi tiết kiệm, ...

c) Các khoản thu không tính vào thu nhập, gồm: Các khoản trợ cấp xã hội, hỗ trợ tiền điện, rút tiền tiết kiệm, thu nợ, bán tài sản, vay nợ, tạm ứng.

d) Mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã sẽ do xã tự điều tra, thu thập thông tin và tính toán theo hướng dẫn thống nhất của Tổng cục Thống kê. Chi cục Thống kê huyện có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ các xã điều tra, đồng thời thẩm định trình UBND huyện công nhận.

2. Tiêu chí đạt theo Quyết định số 491/QĐ-TTg, Quyết định số 342/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-UBND

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người):

a) Tiêu chí chung của tỉnh

- Năm 2012: Đạt 24 triệu đồng/người/năm.
- Đến năm 2015: Đạt 34 triệu đồng/người/năm.
- Đến năm 2020: Đạt 58 triệu đồng/người/năm.

b) Tiêu chí đạt đối với các xã hưởng chính sách như các tỉnh Tây Nguyên (theo Công văn số 558/TTg-ĐP và Công văn số 2089/TTg-ĐP)

- Năm 2012: Đạt 16 triệu đồng/người/năm.
- Đến năm 2015: Đạt 23 triệu đồng/người/năm.
- Đến năm 2020: Đạt 40 triệu đồng/người/năm.

Điều 14. Tiêu chí hộ nghèo

1. Giải thích từ ngữ

Hộ nghèo là hộ có thu nhập bình quân đầu người từ ngưỡng nghèo trở xuống theo chuẩn nghèo được quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011, cụ thể: hộ nghèo ở nông thôn là hộ có mức thu nhập bình quân đầu người từ 400.000 đồng/người/tháng (từ 4,8 triệu đồng/người/năm) trở xuống.

2. Căn cứ xác định và xét công nhận tiêu chí

Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-UBND, xã đạt tiêu chí hộ nghèo khi có tỷ lệ hộ nghèo của xã ở dưới mức tối thiểu theo quy định của vùng

a) Tiêu chí đạt chung của tỉnh

Tỷ lệ hộ nghèo của xã phải đạt từ 3% trở xuống.

b) Tiêu chí đạt đối với các xã hưởng chính sách như các tỉnh Tây Nguyên (theo Công văn số 558/TTg-Đp và Công văn số 2089/TTg-ĐP)

Tỷ lệ hộ nghèo của xã phải đạt từ 7% trở xuống.

Điều 15. Tiêu chí tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên

1. Giải thích từ ngữ

Lao động có việc làm thường xuyên của xã là những người trong độ tuổi và có khả năng lao động, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã, có thời gian làm việc bình quân 20 ngày công/tháng trở lên trong năm cả ở trong và ngoài địa bàn xã.

2. Căn cứ xác định và xét công nhận tiêu chí

Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên là tỷ lệ phần trăm giữa số người lao động có việc làm thường xuyên trong tổng số dân trong độ tuổi lao động của xã.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg, Quyết định 342/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-UBND, xã đạt tiêu chí tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên khi có tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt từ 90% trở lên.

a) Tiêu chí đạt chung của tỉnh

Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động: Đạt.

b) Tiêu chí đạt đối với các xã hưởng chính sách như các tỉnh Tây Nguyên (theo Công văn số 558/TTg-Đp và Công văn số 2089/TTg-ĐP)

Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động: Đạt .

Điều 16. Tiêu chí hình thức tổ chức sản xuất

1. Giải thích từ ngữ.

a) Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả khi đảm bảo 03 yêu cầu:

- Được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Tổ chức được ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên hợp tác xã và người dân trên địa bàn.

- Kinh doanh có lãi liên tục trong 03 năm liền kề (trường hợp mới thành lập thì cũng phải đủ 2 năm liền kề có lãi liên tục).

b) Tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả đảm bảo 02 yêu cầu:

- Thành lập, tổ chức, quản lý và hoạt động theo đúng qui định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ và Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Hoạt động sản xuất - kinh doanh có lãi liên tục trong 03 năm liền kề được Ủy ban nhân dân xã xác nhận (trường hợp mới thành lập thì cũng phải đủ 2 năm liền kề có lãi).

c) Liên kết giữa hộ nông dân (hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã) với doanh nghiệp, tổ chức khoa học hoặc nhà khoa học lâu dài là có hợp đồng được ký kết giữa các bên và thực hiện có hiệu quả các khâu sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản với thời hạn tối thiểu 03 năm.

2. Căn cứ xác định, xét công nhận tiêu chí

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH 13 ngày 20/11/2012 (có hiệu lực ngày 01/7/2013) .

- Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định số 491/QĐ-TTg, Quyết định 523/QĐ-UBND, xã đạt tiêu hình thức tổ chức sản xuất khi:

a) Tiêu chí đạt chung của tỉnh

Xã có ít nhất 01 hợp tác xã hoặc tổ hợp tác có đăng ký, hoạt động có hiệu quả trong sản xuất - kinh doanh, dịch vụ theo Luật, có hợp đồng liên kết với doanh nghiệp.

b) Tiêu chí đạt đối với các xã hưởng chính sách như các tỉnh Tây Nguyên (theo Công văn số 558/TTg-Đp và Công văn số 2089/TTg-ĐP)

Xã có ít nhất 01 hợp tác xã hoặc tổ hợp tác có đăng ký, hoạt động có hiệu quả trong sản xuất - kinh doanh, dịch vụ theo Luật, có hợp đồng liên kết với doanh nghiệp.

Điều 17: Tiêu chí giáo dục .

1. Giải thích từ ngữ

a) Đạt phổ cập giáo dục THCS khi đạt 02 nội dung sau:

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm đạt từ 90% (xã đặc biệt khó khăn 70%) trở lên.

- Tỷ lệ thanh, thiếu niên từ 15 đến hết 18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS (bao gồm cả hệ bổ túc) từ 80% (xã đặc biệt khó khăn 70%) trở lên.

b) Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học bậc trung học phổ thông, bổ túc trung học, học nghề (tại các trung tâm giáo dục thường xuyên hoặc trường dạy nghề) được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số học sinh tiếp tục học trên tổng số học sinh đã tốt nghiệp THCS.

c) Lao động qua đào tạo là lao động trong độ tuổi đã tham gia các khóa bồi dưỡng dạy nghề ngắn hạn hoặc đào tạo dài hạn được cấp chứng chỉ nghề hoặc văn bằng từ trung cấp chuyên môn nghiệp vụ trở lên.

2. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg, Quyết định 342/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-UBND, xã đạt tiêu chí giáo dục khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu sau

a) Tiêu chí đạt chung của tỉnh

- Phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Đạt.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề): Đạt từ 90% trở lên.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: Đạt trên 40%.

b) Tiêu chí đạt đối với các xã hưởng chính sách như các tỉnh Tây Nguyên (theo Công văn số 588/TTg-ĐP và Công văn số 2089/TTg-ĐP)

- Phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Đạt.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề): Đạt từ 70% trở lên;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: Đạt trên 20%.

Điều 18. Tiêu chí y tế

1. Giải thích từ ngữ:

Bảo hiểm y tế gồm: Bảo hiểm do nhà nước hỗ trợ, bảo hiểm bắt buộc hoặc bảo hiểm tự nguyện.

2. Căn cứ xác định và xét công nhận tiêu chí

a) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số người dân trong xã có thẻ bảo hiểm y tế còn hiệu lực trên tổng số dân trong xã.

$$\text{Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế} = \frac{\text{Số người có thẻ bảo hiểm y tế còn hiệu lực}}{\text{Tổng dân số của xã}} \times 100$$

b) Trạm xá xã đạt chuẩn quốc gia

Trạm xá xã đạt chuẩn quốc gia khi đạt các chỉ tiêu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế tại Quyết định số 3447/QĐ-BYT, ngày 22/9/2011 về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020 và được Sở Y tế xác nhận.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định số 491/QĐ-TTg, Quyết định số 342/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-TTg, khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu:

a) Tiêu chí đạt chung của tỉnh

- Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia: Đạt.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 70% trở lên.
- b) Tiêu chí đạt đối với các xã hưởng chính sách như các tỉnh Tây Nguyên (theo Công văn số 558/TTg-Đp và Công văn số 2089/TTg-ĐP)
 - Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia: Đạt.
 - Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 70% trở lên.

Điều 19: Tiêu chí văn hóa

Xã được công nhận đạt tiêu chí văn hóa khi có từ 70% thôn, ấp trở lên theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được công nhận và giữ danh hiệu “Thôn, ấp văn hóa” liên tục từ 05 năm trở lên.

Điều 20. Tiêu chí môi trường

1. Giải thích từ ngữ:

a) Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy định:

- Nước sạch theo quy chuẩn quốc gia là nguồn nước đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN: 02:2009/BYT) về chất lượng nước sinh hoạt do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tại Thông tư số 05/2009/TT - BYT ngày 17/6/2009.

- Nước hợp vệ sinh là nước sử dụng trực tiếp hoặc sau lọc thoả mãn yêu cầu chất lượng: Không màu, không mùi, không vị lạ, không chứa thành phần gây ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, có thể dùng để ăn uống sau khi đun sôi;

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy chuẩn quốc gia là tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh trong đó có tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn quốc gia trên tổng số hộ của xã, cụ thể: tỷ lệ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh là 90% số hộ, trong đó 50% số hộ sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn quốc gia.

b) Các cơ sở sản xuất - kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường: Cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm: Các cơ sở sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tiểu thủ công nghiệp), các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản của hộ cá thể, tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc các doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

Các cơ sở sản xuất - kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường là các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong quá trình hoạt động đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1, điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 và xử lý chất thải (khí thải, nước thải, rác thải, tiếng ồn) đạt quy chuẩn Việt Nam cho phép.

c) Đạt tiêu chí đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường khi đáp ứng các yêu cầu:

- Đường làng, ngõ xóm xanh, sạch, đẹp; Tổ chức trồng cây xanh ở nơi công cộng, đường giao thông và khai thông cống rãnh.

- Trên 90% số hộ đã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào; cổng ngõ không lầy lội.

- Không có cơ sở sản xuất - kinh doanh gây ô nhiễm môi trường.

d) Nghĩa trang có quy hoạch và quản lý theo quy hoạch:

- Mỗi thôn hoặc liên thôn, hoặc xã, liên xã có quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài phù hợp với tập quán của địa phương (trừ nơi có tập quán an táng không ở nghĩa trang).

- Có quy chế quản lý nghĩa trang.

- Việc táng người chết phải được thực hiện phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại.

đ) Rác thải, chất thải, nước thải được thu gom và xử lý đúng quy định

- Hộ gia đình có nhà vệ sinh; có hệ thống thoát nước thải; nước thải sinh hoạt và rác thải sinh hoạt phải được thu gom, xử lý đúng quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

- Mỗi khu dân cư tập trung của thôn, xã phải có hệ thống tiêu thoát nước thải thông thoáng, hợp vệ sinh.

- Thôn, xã có tổ dịch vụ thu gom rác thải và xử lý tại bãi rác tập trung.

3. Căn cứ xác định và xét công nhận tiêu chí.

- Điều 37, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội.

- Khoản 2, điều 1 Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định việc chuyển đổi một số tiêu chuẩn môi trường do nhà nước công bố bắt buộc áp dụng thành quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 21/01/2009 của Ban Bí thư Trung ương về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 41-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.

- QCVN 03:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn kim loại trong đất.

- QCVN 11:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản.

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- QCVN 15:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất.

- TCVN 7956: 2008 - Nghĩa trang đô thị- Tiêu chuẩn thiết kế.

- QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

- QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- QCVN 07:2010/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014).

- Bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh. Yêu cầu chung về bảo vệ môi trường TCVN 6696 – 2000.

- Bãi chôn lấp chất thải rắn. Tiêu chuẩn thiết kế TCXDXN 261 – 2001.

- Quyết định số 27/2004/QĐ-BXD ngày 09/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành TCVN 320 - 2004 về bãi chôn lấp chất thải nguy hại. Tiêu chuẩn thiết kế.

- Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/ 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

- Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/04/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chất thải nguy hại.

- Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề.

- Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2005.

- Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020...

4. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-TTg, xã đạt tiêu chí môi trường khi đạt được 05 yêu cầu sau:

a) Tiêu chí đạt chung của tỉnh

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt từ 90% trở lên.

- 90% cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường. (10% còn lại tuy có vi phạm nhưng đang khắc phục);

- Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường: Đạt.

- Nghĩa trang có quy hoạch và quản lý theo quy hoạch: Đạt.

- Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo qui định: Đạt.

b) Tiêu chí đạt đối với các xã hưởng chính sách như các tỉnh Tây Nguyên (theo Công văn số 558/TTg-Đp và Công văn số 2089/TTg-ĐP)

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt từ 85% trở lên.

- 90% cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường. (10% còn lại tuy có vi phạm nhưng đang khắc phục).

- Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường: Đạt.

- Nghĩa trang có quy hoạch và quản lý theo quy hoạch: Đạt.

- Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo qui định: Đạt.

Điều 21. Tiêu chí hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh

1. Giải thích từ ngữ:

a) Hệ thống tổ chức chính trị - xã hội ở xã bao gồm: Tổ chức Đảng, Chính quyền và Đoàn thể chính trị - xã hội như: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh xã.

b) Cán bộ, công chức xã bao gồm các chức vụ, chức danh quy định tại điều 61 của Luật Cán bộ, công chức năm 2008.

Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn khi có đủ các điều kiện sau:

- Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp trung học phổ thông đối với khu vực đô thị, tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên đối với khu vực miền núi.

- Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức được đảm nhiệm.

- Trình độ tin học: Có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A trở lên.

- Công tác lâu dài ở địa bàn dân tộc thiểu số, phải biết sử dụng thành thạo một tiếng dân tộc thiểu số chính trong khu vực.

- Sau khi được tuyển dụng phải hoàn thành chứng chỉ quản lý nhà nước và lý luận chính trị theo quy định.

- Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với các chức danh này.

c) Danh hiệu: "Tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh" do Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xét, công nhận hàng năm.

d) Danh hiệu chính quyền "Trong sạch, vững mạnh" do UBND huyện xét, công nhận hàng năm.

đ) Danh hiệu tiên tiến của các đoàn thể của xã do tổ chức đoàn thể cấp huyện xét, công nhận hàng năm.

2. Căn cứ xác định, xét công nhận tiêu chí

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định là tất cả các thôn, bản đều có các tổ chức "chân rết" của các cơ quan đoàn thể xã theo quy định như: các Chi bộ Đảng, các chi hội, trường thôn, bản. Không có tình trạng để "trắng" các tổ chức này ở các thôn, bản.

- Đảng ủy, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh":

+ Đảng ủy hoặc chi bộ cơ sở "trong sạch, vững mạnh" phải đảm bảo 05 yêu cầu theo quy định.

+ Chính quyền "trong sạch, vững mạnh" phải đảm bảo 07 yêu cầu theo quy định.

- Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên theo quy định của từng tổ chức.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-UBND, xã đạt tiêu chí hệ thống tổ chức chính trị trong sạch – vững mạnh khi đáp ứng đủ 4 yêu cầu sau:

- 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

- Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh" theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương tại Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW ngày 11/10/2011 về đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên;

- Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã được công nhận đạt danh hiệu tiên tiến trở lên;

Điều 22. Tiêu chí an ninh, trật tự xã hội được giữ vững

1. Giải thích từ ngữ:

An ninh, trật tự xã hội được giữ vững là giữ vững sự ổn định và phát triển của xã hội có tổ chức, có kỷ cương, trong trạng thái bình yên, trên cơ sở những quy định của pháp luật.

2. Căn cứ xác định và xét công nhận tiêu chí

a) Chỉ tiêu 1:

- Hàng năm, Đảng ủy có nghị quyết, UBND có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; có bảng đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn xã "An toàn về ANTT".

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp bảo vệ an ninh, trật tự; 100% khu dân cư trên địa bàn xã tổ chức "Ngày hội toàn dân bảo vệ ANTT" theo chỉ đạo của UBND và hướng dẫn của cơ quan công an cấp trên.

- Hàng năm, UBND xã có bản đăng ký thi đua trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, cuối năm phân loại "Phong trào toàn dân bảo vệ ANTT" đạt từ loại khá trở lên.

- Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố ngày càng trong sạch vững mạnh theo quy định của Pháp lệnh Công an xã và hướng dẫn của ngành công an. Hàng năm, Công an xã có bản đăng ký thi đua, cuối năm phân loại thi đua tập thể Công an xã đạt danh hiệu "Đơn vị tiên tiến" trở lên; không có cá nhân Công an xã bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

- Các tổ chức, lực lượng nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT trên địa bàn xã được xây dựng, củng cố vững mạnh và tham gia có hiệu quả vào công tác giữ gìn ANTT; mỗi khu dân cư có ít nhất một mô hình tiên tiến trong công tác giữ gìn ANTT.

b) Chỉ tiêu 2:

Không để xảy ra các hoạt động sau:

- Chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng.

- Tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật; gây rối an ninh, trật tự.

- Mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân; khiếu kiện đông người, khiếu kiện vượt cấp kéo dài trái pháp luật.

c) Chỉ tiêu 3:

- Không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Không có công dân của xã phạm tội nghiêm trọng trở lên; nếu xảy ra tội phạm phải được phát hiện và báo cáo ngay cấp có thẩm quyền để xử lý kịp thời.

- Kiểm chế và làm giảm các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật khác so với năm trước.

- Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không có tệ nạn xã hội và không phát sinh người mắc tệ nạn xã hội ở cộng đồng.

- Không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân ở khu dân cư gây ra ở cộng đồng.

- Kiểm chế và làm giảm cháy, nổ, tai nạn giao thông, tai nạn lao động ít nghiêm trọng do công dân của khu dân cư gây ra ở cộng đồng so với năm trước.

3. Tiêu chí đạt theo Quyết định 491/QĐ-TTg và Quyết định 523/QĐ-UBND, xã đạt tiêu chí an ninh, trật tự xã hội được giữ vững khi đáp ứng đủ 4 yêu cầu sau:

- Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế; các hoạt động tôn giáo, khiếu kiện vượt cấp kéo dài trái pháp luật.

- Không có tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn.

- Trên 70% số thôn, ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

- Hàng năm Công an xã đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến trở lên.

Chương III

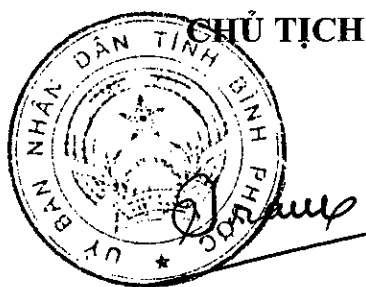
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, UBND các xã và các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện đúng theo Quy định này.

Điều 24. Điều chỉnh

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh hoặc những quy định không còn phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương (huyện, xã) các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã kịp thời báo cáo gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, thống nhất các ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh để thực hiện./.



Nguyễn Văn Trâm